

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2018.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hạnh;
2. Bà Trần Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX- ST ngày 13 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T - Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh V – Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị T và bị đơn anh V trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào năm 2001.

Chị T khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh V sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, có lúc anh V đánh chị T. Vào đầu năm 2018, chị T có làm đơn xin ly hôn anh V, nhưng sau đó vì con và anh V hứa không đánh chị nữa nên đã rút đơn xin ly hôn. Sau đó, anh V vẫn không sửa đổi, vẫn cãi vã và đánh đập chị T. Sự việc kéo dài và hai bên đã tự xa nhau từ 5/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị T nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn anh V.

Anh V khai hai bên không có mâu thuẫn gì lớn, anh V có tạt chị T 01 tát. Nay, nhận thấy còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét.

- Về con chung: có 02 con chung tên A – sinh ngày 17/9/2000, N – sinh ngày 25/11/2001. Chị T xin được nuôi con tên A, giao anh V nuôi con tên N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V xin nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Con chung tên A đã trưởng thành nên không xét; giao anh V nuôi con tên N, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T, bị đơn anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 19 tháng 7 năm 2001, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh V có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Sự việc kéo dài và từ tháng 5 năm 2018, chị T, anh V tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T, anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị T được ly hôn anh V.

[2] Về con chung: Tính đến ngày xét xử, con chung tên A đã trưởng thành nên không xét. Con chung tên N hiện do anh V nuôi dưỡng. Cháu N có nguyện vọng sống cùng anh V và chị T, anh V cũng thống nhất giao cháu N cho

anh V nuôi dưỡng. Do đó, để giúp cháu N phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, giao cháu N cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V làm nghề thợ hồ, có sức khỏe, thu nhập ổn định và anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T: Chị T được ly hôn anh V.

2. Về con chung:

Giao con chung tên N – sinh ngày 25/11/2001 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại phiếu thu số 0008899 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- UBND thị trấn H;

- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ

